TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31/7/2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Anh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vương Thị Hồng Thanh

Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tố Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 94/2023/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2023/QĐST - HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2023/QĐST- HNGĐ ngày 10/7/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1985; nơi ĐKHKTT: Thôn 5, xã T, huyện T, tỉnh Qu; trú tại: khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh B. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Đoàn Văn Đ, sinh năm 1982; nơi ĐKHKTT: Thôn 4, xã T, huyện T, tỉnh Qu; trú tại: khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị V trình bày:

Chị V và anh Đ tự nguyện yêu nhau, tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Qu theo giấy chứng nhận kết hôn số 08, quyển số 07 ngày 31/3/2006. Hôn nhân của chúng tôi là tự nguyện, có sự chấp thuận của gia đình hai bên.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên tranh cãi. Cuộc sống hôn nhân ngày càng ngột ngạt, không hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm mục đích hôn nhân không đạt được.

Nay chị V xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh Đoàn Văn Đ.

- Con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Đoàn Nguyễn Anh Th, sinh ngày 12/7/2011 và Đoàn Gia Kh, sinh ngày 21/10/2021. Chị V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con. Yêu cầu anh Đoàn Văn Đ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng/tháng/cháu. Tổng số tiền anh Đoàn Văn Đ phải cấp dưỡng nuôi hai con là 10.000.000đ (mười triệu đồng)/tháng cho đến khi hai con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản xác minh tình trạng hôn nhân tại nơi cư trú cho biết không có thông tin trình báo về mâu thuẫn giữa vợ chồng chị V và anh Đ.

Quá trình tố tụng anh Đ được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng dân sự:

[1.1] Chị V khởi kiện anh Đ yêu cầu được ly hôn, anh Đ hiện đang trú tại phường Đông Hòa, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Anh Đ được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt, chị V có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị V và anh Đ theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị V và anh Đ tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Qu theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 08, quyển số 07, ngày 31/3/2006, do đó quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh Đ là hợp pháp.

[2.2] Quá trình tố tụng chị Việt xác định cuộc sống hôn nhân của vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau. Anh Đ được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt, coi như từ bỏ quyền trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị V. Xét thấy, mâu thuẫn của vợ chồng chị V và anh Đ đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị V được ly hôn với anh Đ.

[2.3] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Đoàn Nguyễn Anh Th, sinh ngày 12/7/2011 và Đoàn Gia Kh, sinh ngày 21/10/2021. Chị V yêu cầu được nuôi hai con và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi mỗi con 5.000.000đ (năm triệu đồng)/tháng, hai con là 10.000.000đ/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Xét thấy, cha mẹ có quyền và nghĩa vụ ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên. Trước yêu cầu của chị V, anh Đ không có ý kiến phản hồi. Theo lời trình bày của cháu Th, hiện cháu đang ở với ba mẹ, nguyện vọng của cháu muốn được ở cùng cả ba mẹ.

Để đảm bảo cho các cháu được ổn định việc học tập và cuộc sống, Hội đồng xét xử tiếp tục giao các cháu Th và Kh cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ :

- Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị V đối với bị đơn anh Đoàn Văn Đ về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị V được ly hôn với anh Đoàn Văn Đ (theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 08, quyển số 07, ngày 31/3/2006 do Ủy ban nhân dân xã Tiên Hiệp, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam cấp).

- Về con chung: Giao hai con Đoàn Nguyễn Anh Th, sinh ngày 12/7/2011 và Đoàn Gia Kh, sinh ngày 21/10/2021 cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đ phải cấp dưỡng nuôi mỗi con 5.000.000đ (năm triệu đồng)/tháng. Thời gian cấp dưỡng thực hiện từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi các con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Sau ly hôn, chị V và anh Đ có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị V phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai số 0006143 ngày 07/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Anh Đ phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- UBND xã Tiên Hiệp, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Anh Thư